

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM KẾT THÚC NGÀY 30/06/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm, kết thúc ngày 30/06/2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm, kết thúc ngày 30/06/2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm, kết thúc ngày 30/06/2022	11 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/01/2022.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2022: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;



00515

ÔNG
Ổ PH
G CH

ĐC-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	08/05/2020	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	17/12/2020	
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	08/05/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	08/05/2020	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	17/08/2020	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	08/05/2020	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	08/05/2020	
Ông Đoàn Quang Vũ	Thành viên	28/04/2022	
Bà Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên	08/05/2020	28/04/2022

4.3 Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	05/11/2020	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	27/03/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	12/06/2020	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc cố bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



HUỶNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2022



Số: 24/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES**

Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		125.318.602.259	126.359.614.793
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	66.551.866.415	78.777.943.141
111	1. Tiền		12.551.866.415	21.777.943.141
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000.000	57.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.460.311.927	32.137.530.217
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	15.967.199.259	17.780.528.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	13.791.093.267	2.939.461.087
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	1.500.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	14.466.801.960	13.182.322.808
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(3.264.782.559)	(3.264.782.559)
140	IV. Hàng tồn kho		4.348.160.880	4.658.264.697
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.348.160.880	4.658.264.697
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.958.263.037	10.785.876.738
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	265.973.911	284.111.215
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.552.956.260	10.499.759.960
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	139.332.866	2.005.563
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		584.010.255.175	596.599.381.780
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		569.813.476.031	584.407.204.401
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	569.812.082.138	584.399.011.334
222	- Nguyên giá		1.025.576.696.042	1.022.734.170.239
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(455.764.613.904)	(438.335.158.905)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.393.893	8.193.067
228	- Nguyên giá		184.609.600	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(183.215.707)	(176.416.533)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.155.533.345	1.603.236.559
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	4.155.533.345	1.603.236.559
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.041.245.799	10.588.940.820
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	10.041.245.799	10.588.940.820
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		709.328.857.434	722.958.996.573

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		360.388.505.046	370.163.366.372
310	I. Nợ ngắn hạn		84.404.752.223	126.114.392.193
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	3.912.996.803	5.334.867.538
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13a	114.320.830	393.769.996
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	23.998.213	337.181.165
314	4. Phải trả người lao động	V.15	3.325.689.106	11.089.327.276
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	4.266.215.658	37.208.998.254
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	260.996.765	497.699.988
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	52.216.252.174	52.450.057.014
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	13.830.000.000	12.000.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20	3.418.300.032	4.018.300.032
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	3.035.982.642	2.784.190.930
330	II. Nợ dài hạn		275.983.752.823	244.048.974.179
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13b	67.872.483.570	67.872.483.570
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	208.111.269.253	176.176.490.609
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		348.940.352.388	352.795.630.201
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	348.940.352.388	352.795.630.201
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		27.259.580.782	26.889.105.927
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.373.378.394)	1.852.374.274
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.036.973.280	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(3.410.351.674)	1.852.374.274
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		709.328.857.434	722.958.996.573

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám Đốc




HUỲNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	86.764.971.483	88.086.643.025
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.764.971.483	88.086.643.025
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	67.441.533.746	65.029.467.163
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.323.437.737	23.057.175.862
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	796.372.740	755.652.165
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	8.825.465.688	4.609.083
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.825.465.688	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	892.970.313	902.455.562
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	13.814.229.586	14.462.411.297
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.412.855.110)	8.443.352.085
31	11. Thu nhập khác	VI.7	2.503.436	7.174.884
32	12. Chi phí khác	VI.8	-	425.437
40	13. Lợi nhuận khác		2.503.436	6.749.447
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.410.351.674)	8.450.101.532
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	-	1.704.461.861
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.410.351.674)	6.745.639.671
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(105)	145
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	(105)	145

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám Đốc



 HUỲNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.410.351.674)	8.450.101.532
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, 10	17.436.254.173	12.019.118.894
03	- Các khoản dự phòng	V.20	(600.000.000)	4.250.000.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(23.473.757)	4.609.083
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(772.898.983)	(755.652.165)
06	- Chi phí lãi vay		8.825.465.688	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.454.995.447	23.968.177.344
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.525.464.119)	(4.148.104.146)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		310.103.817	204.705.281
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.559.967.810)	(7.838.122.541)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		565.832.325	184.518.564
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.409.459.149)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(322.661.131)	(466.449.042)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(193.134.427)	(1.021.184.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.679.755.047)	10.883.541.460
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(38.102.355.254)	(11.726.767.034)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		767.781.174	765.509.699
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(37.334.574.080)	(10.961.257.335)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19	39.764.778.644	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.000.000.000)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.764.778.644	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(12.249.550.483)	(77.715.875)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		78.777.943.141	67.093.516.368
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.473.757	(4.609.083)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	66.551.866.415	67.011.191.410

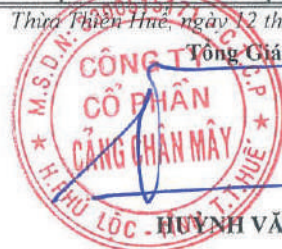
Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





BÙI THỊ NGỌC LINH

NGÔ KHÁNH TOÀN

HUYNH VĂN TOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm trước, Công ty đã tiến hành đưa công trình Bến số 2 vào sử dụng từ ngày 01/07/2021. Chi phí khấu hao tài sản cố định bến số 2 và chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến hoạt động của bến số 2 phát sinh lớn, làm cho giá vốn tăng cao. Mặt khác khi bến số 2 đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay không còn được vốn hóa vào giá trị công trình mà phải ghi nhận vào chi phí tài chính, làm cho chi phí tài chính tăng đáng kể so với kỳ trước. Doanh thu và sản lượng không tăng trưởng được như kỳ vọng. Điều đó dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty kỳ này bị lỗ.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. XN Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, X. Lộc Vĩnh, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế
2. XN Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, X. Lộc Vĩnh, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế
3. XN Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, X. Lộc Vĩnh, H. Phú Lộc, T. Thừa Thiên Huế
4. Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, P. Phú Nhuận, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có 315 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 309 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chứa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu bán hàng hoá xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	512.543.976	416.503.993
Tiền gửi ngân hàng	12.039.322.439	21.361.439.148
Các khoản tương đương tiền (*)	54.000.000.000	57.000.000.000
Cộng	<u>66.551.866.415</u>	<u>78.777.943.141</u>

(*) Các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng				
- Ngân hàng Vietinbank - CN TT Huế	44.000.000.000	-	41.000.000.000	-
- Ngân hàng BIDV - CN TT Huế	2.000.000.000	-	8.000.000.000	-
- Ngân hàng Vietcombank - CN TT Huế	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Cộng	<u>54.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>57.000.000.000</u>	<u>-</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	<u>15.967.199.259</u>	<u>17.780.528.881</u>
- Công ty TNHH Liên Doanh Nguyên Liệu Giấy Huế	1.881.357.286	1.884.241.798
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	1.417.368.218	1.310.393.722
- Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu Phúc Thịnh	1.403.513.149	3.670.036.207
- Các khách hàng khác	11.264.960.606	10.915.857.154
Cộng	<u>15.967.199.259</u>	<u>17.780.528.881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	13.791.093.267	2.939.461.087
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam	12.600.000.000	-
(*)		
- Công ty xăng dầu Khu Vực V-TNHH Một thành viên	329.586.155	2.776.100
- Các nhà cung cấp khác	861.507.112	2.936.684.987
Cộng	<u>13.791.093.267</u>	<u>2.939.461.087</u>

(*) Là khoản ứng trước 10% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam về việc thuê 2 căn trụ đa năng xếp dỡ hàng theo Hợp đồng kinh tế số 01/2022/HDKT-CCM-NVL ngày 26/01/2022.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.560.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	<u>1.500.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2008 ngày 22/11/2008 số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 12%/ năm, thời hạn vay là 3 tháng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2009 ngày 13/05/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.881.022.727	513.918.664	1.801.250.374	513.918.664
- BQL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Phải thu CBCNV về thuế TNCN	308.422.704	-	233.488.160	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	107.304.110	-	102.186.301	-
- Các đối tượng phải thu khác	30.001	-	310.001	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	2.088.885.477	-	884.428.505	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	10.496.893.756	-	10.496.643.929	-
- BQL khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	252.043.756	-	251.793.929	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	<u>14.466.801.960</u>	<u>513.918.664</u>	<u>13.182.322.808</u>	<u>513.918.664</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 - Cảng chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ – KKTCTN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>		-		-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		3.264.782.559		3.264.782.559
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	>3 năm	2.171.369.272
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	>3 năm	627.329.522
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	>3 năm	154.849.350
- Công ty cổ phần nhựa đường Minh Đạt	>3 năm	144.750.000	>3 năm	144.750.000
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	>3 năm	83.858.340	>3 năm	83.858.340
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	>3 năm	60.000.000	>3 năm	60.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	>3 năm	17.753.300	>3 năm	17.753.300
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	>3 năm	3.736.256
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	>3 năm	1.136.519
Cộng		3.264.782.559		3.264.782.559

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.874.998.725	-	2.760.459.496	-
Công cụ, dụng cụ	781.109.200	-	1.289.115.765	-
Hàng hóa	692.052.955	-	608.689.436	-
Cộng	4.348.160.880	-	4.658.264.697	-

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mua về nhưng chưa sử dụng.

Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8.a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí bảo hiểm	249.973.911	197.473.852
Chi phí công cụ dụng cụ	6.000.000	-
Chi phí thuê văn phòng	-	86.637.363
Cộng	<u>265.973.911</u>	<u>284.111.215</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	284.111.215	225.993.394
Tăng trong kỳ	329.729.364	303.176.182
Phân bổ trong kỳ	347.866.668	215.522.990
Số dư cuối kỳ	<u>265.973.911</u>	<u>313.646.586</u>

8.b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	6.926.445.400	8.768.483.220
Chi phí công cụ dụng cụ	3.114.800.399	1.820.457.600
Cộng	<u>10.041.245.799</u>	<u>10.588.940.820</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	10.588.940.820	5.146.495.618
Tăng trong kỳ	2.363.470.552	1.841.880.221
Phân bổ trong kỳ	2.911.165.573	2.114.051.977
Số dư cuối kỳ	<u>10.041.245.799</u>	<u>4.874.323.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	880.647.273.578	105.580.880.725	33.590.336.909	2.915.679.027	1.022.734.170.239
Mua sắm trong kỳ	-	109.535.030	-	-	109.535.030
D/tư XD/CB h/thành	2.732.990.773	-	-	-	2.732.990.773
Số cuối kỳ	883.380.264.351	105.690.415.755	33.590.336.909	2.915.679.027	1.025.576.696.042
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	325.137.191.707	78.962.458.860	31.717.686.255	2.517.822.083	438.335.158.905
Khấu hao trong kỳ	13.752.863.891	3.301.497.284	293.144.520	81.949.304	17.429.454.999
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	338.890.055.598	82.263.956.144	32.010.830.775	2.599.771.387	455.764.613.904
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	555.510.081.871	26.618.421.865	1.872.650.654	397.856.944	584.399.011.334
Số cuối kỳ	544.490.208.753	23.426.459.611	1.579.506.134	315.907.640	569.812.082.138

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 41.118.466.808 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 335.799.288.035 đồng. (Xem thuyết minh số V.19)
- Công ty không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30/06/2022.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	184.609.600	184.609.600
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	184.609.600	184.609.600
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	176.416.533	176.416.533
Khấu hao trong kỳ	6.799.174	6.799.174
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	183.215.707	183.215.707
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	8.193.067	8.193.067
Số cuối kỳ	1.393.893	1.393.893

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2022: 153.809.600 đồng.
- Công ty không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý tại thời điểm cuối kỳ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>977.362.818</i>	<i>5.394.822.589</i>	<i>2.842.525.803</i>	-	<i>3.529.659.604</i>
- Công trình bến số 2 (*)	208.181.818	3.875.084.726	2.842.525.803	-	1.240.740.741
- Công trình nạo vét dãi cạn bến số 1	-	784.637.273	-	-	784.637.273
- Dự án Cầu trục đa năng làm hàng rời và hàng cont	-	735.100.590	-	-	735.100.590
- Công trình nâng cấp bến 120m	339.969.182	-	-	-	339.969.182
- Công trình nhà kho	254.545.454	-	-	-	254.545.454
- Các công trình khác	174.666.364	-	-	-	174.666.364
<i>Chi phí sửa chữa tài sản</i>	<i>625.873.741</i>	<i>1.531.818.182</i>	-	<i>1.531.818.182</i>	<i>625.873.741</i>
- Nâng cấp, cải tạo cầu Gotward	-	1.531.818.182	-	1.531.818.182	-
- Sửa chữa thường xuyên bản mặt cầu dẫn BS I	520.652.473	-	-	-	520.652.473
- Chi phí sửa chữa tài sản khác	105.221.268	-	-	-	105.221.268
Cộng	1.603.236.559	6.926.640.771	2.842.525.803	1.531.818.182	4.155.533.345

(*) Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Công trình bến số 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HDCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (Xem thuyết minh số V.19).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>3.912.996.803</i>	<i>5.334.867.538</i>
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân (*)	2.810.082.000	3.180.698.970
- Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu giấy Huế	586.346.489	277.034.402
- Các nhà cung cấp khác	516.568.314	1.877.134.166
Cộng	3.912.996.803	5.334.867.538

(*) Phải trả Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân theo Hợp đồng thi công xây dựng số 15/2018/HĐXD ngày 19/06/2018 về đầu tư xây dựng Công trình bến số 2.

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	114.320.830	393.769.996
- Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuấn Hoàng	77.354.555	77.354.555
- Các khách hàng khác	36.966.275	316.415.441
Cộng	114.320.830	393.769.996

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	67.872.483.570	67.872.483.570
- Royal Caribbean Cruises Ltd (*)	67.872.483.570	67.872.483.570
Cộng	67.872.483.570	67.872.483.570

(*) Khoản ứng trước theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean (chi tiết xem thuyết minh số VII.1).

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế TNDN	322.661.131	-	-	322.661.131	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.520.034	-	211.766.303	363.613.640	-	137.327.303
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	23.998.213	-	23.998.213	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.563	6.000.000	6.000.000	-	2.005.563
Cộng	337.181.165	2.005.563	241.764.516	692.274.771	23.998.213	139.332.866

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.410.351.674)	8.450.101.532
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	46.279.508	72.207.775
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.532.615	72.207.775
+ Các khoản chi phí không hợp lý	68.532.615	67.173.255
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	425.437
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	4.609.083
- Các khoản điều chỉnh giảm	22.253.107	-
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	22.253.107	-
Thu nhập chịu thuế	(3.364.072.166)	8.522.309.307
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ	-	1.704.461.861
thông		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.704.461.861

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền lương phải trả	3.325.689.106	11.089.327.276
Cộng	3.325.689.106	11.089.327.276

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	4.266.215.658	37.208.998.254
Chi phí lãi vay phải trả	3.197.471.053	2.781.464.514
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	1.068.744.605	77.091.530
Chi phí quyết toán xây dựng công trình bến số 2	-	34.350.442.210
Cộng	<u>4.266.215.658</u>	<u>37.208.998.254</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	260.996.765	497.699.988
- Công ty TNHH Thực Phẩm An Long Miền Trung	260.996.765	497.699.988
Cộng	<u>260.996.765</u>	<u>497.699.988</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	51.709.479.489	51.709.479.489
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
- Cổ tức phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	35.024.556.525	35.024.556.525
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	506.772.685	740.577.525
- Kinh công đoàn, BHXH	337.890.409	111.554.599
- Phải trả thù lao quản lý dự án Bến số 2	72.153.799	82.543.481
- Phải trả tiền đồng phụ cho nhân viên	-	450.000.000
- Phải trả các đối tượng khác	96.728.477	96.479.445
Cộng	<u>52.216.252.174</u>	<u>52.450.057.014</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	13.830.000.000	13.830.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	13.830.000.000	13.830.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	13.830.000.000	13.830.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

19b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	208.111.269.253	208.111.269.253	176.176.490.609	176.176.490.609
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	208.111.269.253	208.111.269.253	176.176.490.609	176.176.490.609
Cộng	208.111.269.253	208.111.269.253	176.176.490.609	176.176.490.609

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay, lãi suất được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sàn lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại Vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận nợ theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.11).

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	4.018.300.032	-	600.000.000	3.418.300.032
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng cầu cảng	3.418.300.332	-	-	3.418.300.032
Dự phòng sửa chữa thiết bị Gottwald	600.000.000	-	600.000.000	-
	4.018.300.032	-	600.000.000	3.418.300.032

Công ty trích lập dự phòng sửa chữa tài sản theo Quyết định số 13/QĐ-CNT của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy. Theo đó, Công ty có kế hoạch sửa chữa lớn tài sản định kỳ trong năm 2022 với tổng mức đầu tư kế hoạch là 16,64 tỷ đồng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.743.679.859	74.451.285	7.897.000	1.810.234.144
Quỹ phúc lợi	1.040.511.071	185.237.427	-	1.225.748.498
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	185.237.427	185.237.427	-
Cộng	2.784.190.930	444.926.139	193.134.427	3.035.982.642

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	324.054.150.000	22.776.049.155	13.710.189.239	360.540.388.394
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	6.745.639.671	6.745.639.671
Trích lập các quỹ	-	4.113.056.772	(6.169.585.158)	(2.056.528.386)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.540.604.081)	(7.540.604.081)
Số dư cuối kỳ trước	324.054.150.000	26.889.105.927	6.745.639.671	357.688.895.598
Số dư đầu kỳ này	324.054.150.000	26.889.105.927	1.852.374.274	352.795.630.201
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(3.410.351.674)	(3.410.351.674)
Trích lập các quỹ	-	370.474.855	(815.400.994)	(444.926.139)
Số dư cuối kỳ này	324.054.150.000	27.259.580.782	(2.373.378.394)	348.940.352.388

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	324.054.150.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.540.604.081

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận năm 2021 được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 28/04/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2021 được phân phối trích lập quỹ đầu tư và phát triển 20%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành 24,02% và chi trả cổ tức cho cổ đông 55,98%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.700.154.242	78.457.427.497
Doanh thu bán hàng hóa	14.064.817.241	9.629.215.528
Cộng	<u>86.764.971.483</u>	<u>88.086.643.025</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.858.672.280	56.581.146.335
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.582.861.466	8.448.320.828
Cộng	<u>67.441.533.746</u>	<u>65.029.467.163</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	772.898.983	755.652.165
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.473.757	-
Cộng	<u>796.372.740</u>	<u>755.652.165</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lãi vay	8.825.465.688	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	4.609.083
Cộng	<u>8.825.465.688</u>	<u>4.609.083</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	331.317.279	381.125.488
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.057.756	48.057.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.474.073	153.281.819
Chi phí bằng tiền khác	294.121.205	319.990.499
Cộng	<u>892.970.313</u>	<u>902.455.562</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.042.254.468	8.825.413.526
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.332.871.243	1.093.974.628
Chi phí khấu hao TSCĐ	915.837.080	1.041.392.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.014.906.746	675.165.707
Chi phí bằng tiền khác	3.508.360.049	2.826.464.589
Cộng	<u>13.814.229.586</u>	<u>14.462.411.297</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	2.503.436	1.720.338
Các khoản thu nhập khác	-	5.454.546
Cộng	<u>2.503.436</u>	<u>7.174.884</u>

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	425.437
Cộng	<u>-</u>	<u>425.437</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.410.351.674)	6.745.639.671
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2.056.528.386)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.056.528.386)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(3.410.351.674)	4.689.111.285
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>(105)</u>	<u>145</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>32.405.415</u>	<u>32.405.415</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.410.351.674)	4.689.111.285
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>(105)</u>	<u>145</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.100.276.848	3.926.038.728
Chi phí nhân công	19.756.476.000	29.344.099.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.436.254.173	12.019.118.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.800.011.401	17.634.254.654
Chi phí khác	12.474.851.661	9.846.612.062
Cộng	<u>68.567.870.083</u>	<u>72.770.123.487</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ này			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	174.796.087	-	-	174.796.087
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	200.691.101	18.000.000	-	218.691.101
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	136.260.870	-	-	136.260.870
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	160.260.870	18.000.000	-	178.260.870
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	-	18.000.000
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	160.260.870	-	-	160.260.870
7	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	131.913.043	-	-	131.913.043
8	Hoàng Trung Chính	Tổ trưởng Tổ thư ký HĐQT	94.018.958	9.000.000	-	103.018.958
	Tổng cộng		2.420.288.936	126.000.000	6.238.575	2.552.527.511

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ trước			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	260.277.653	-	-	260.277.653
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	233.526.761	18.000.000	1.465.984	252.992.745
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	208.341.225	-	1.930.212	210.271.437
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	206.048.210	18.000.000	1.539.283	225.587.493
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	16.935.884	18.000.000	-	34.935.884
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	204.646.223	-	464.228	205.110.351
7	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	202.472.210	-	390.929	202.863.139
	Tổng cộng		1.332.248.066	54.000.000	5.790.636	1.392.038.702

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - Chia cổ tức	-	7.456.603.223

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 30/06/2022 như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả khác	51.709.479.489	51.709.479.489
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
Phải trả cổ tức Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	35.024.556.525	35.024.556.525

3. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là dịch vụ, hàng hóa cung ứng cho các tàu biển.

	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Xăng dầu	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	72.700.154.242	14.064.817.241	-	86.764.971.483
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.700.154.242	14.064.817.241	-	86.764.971.483
Giá vốn bộ phận	53.858.672.279	13.582.861.466	-	67.441.533.745
Lợi nhuận gộp bộ phận	18.841.481.963	481.955.775	-	19.323.437.738
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	79.861.356.187	8.225.286.838	-	88.086.643.025
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.861.356.187	8.225.286.838	-	88.086.643.025
Giá vốn bộ phận	57.405.256.628	7.624.210.535	-	65.029.467.163
Lợi nhuận gộp bộ phận	22.456.099.559	601.076.303	-	23.057.175.862

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01-NQ/ĐH ngày 23 tháng 04 năm 2021 so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm trước đã kiểm toán	Số liệu năm trước xác định lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	183	145	(38)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	183	145	(38)

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng



HUỲNH VĂN TOÀN
Tổng Giám đốc